TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2017/DS-ST.
Ngày: 13-9-2017.
V/v "*Tranh chấp nợ hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Bà Lý Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Pho - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 về "*Tranh chấp nợ hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị Cẩm V, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố BK, phường C, thành phố BT, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị S (văn bản ủy quyền ngày 16-5-2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972. Vắng mặt.
Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971. Yêu cầu giải quyết vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Khu phố D, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Lê Thị Cẩm V trình bày:

Bà S có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ. Khi bà H tuyên bố vỡ hụi thì giữa hai bên có tiến hành đối chiếu, bà H xác nhận còn nợ bà S số tiền tổng cộng là 67.360.000 đồng thể hiện qua "*Giấy nhận nợ*" lập ngày 28/12/2016 do Cnh bà H ký. Bà S khởi kiện yêu cầu bà H và chồng là ông Nguyễn Ngọc C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 67.360.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Bị đơn bà H và ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà H và ông C đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến cũng như yêu cầu của ông bà.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của người tham gia tố tụng là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quan điểm về giải quyết vụ án: nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa bà Phạm Thị S và bà Nguyễn Mỹ H có thỏa thuận về việc tham gia nhiều phần hụi với nhau, sau khi vỡ hụi hai bên phát sinh tranh chấp, do bà H và ông Nguyễn Ngọc C cùng cư trú trên địa bàn thành phố Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về "*Tranh chấp nợ hụi*" nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà S khởi kiện tranh chấp nợ hụi, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện này là "*Giấy nhận nợ*" lập ngày 28/12/2016. Xét thấy trong "*Giấy nhận nợ*" bà H có ký tên xác nhận với nội dung "*có thiếu nợ chị Phạm Thị S số tiền 67.360.000 đồng*" nên văn bản này có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ngày 13/6/2017, bà H đã nhận được đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo do Tòa án giao nhưng bị đơn không có ý kiến tự khai, giải trình, phản bác hay yêu cầu gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy có căn cứ để xác định bà H còn nợ tiền hụi của bà S là 67.360.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ông C và bà H có Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường PK, TP BT, tỉnh Bến Tre cấp ngày 19/4/2002 nên là vợ chồng hợp pháp. Mặt khác, tại "*Biên bản làm việc*" ngày 23/3/2017 ông C thừa nhận có biết việc bà H nợ tiền vay và tiền hụi của nhiều người với số tiền lớn nhưng không rõ cụ thể bao nhiêu, vì là nợ chung của vợ chồng nên ông đồng ý cùng vợ trả các khoản nợ. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và buộc ông C phải có trách nhiệm liên đới với bà H để trả số tiền 67.360.000 đồng cho bà S.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H và ông C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền 67.360.000 đồng.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải nộp theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 3.368.000 đồng.

[6] Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà H và ông C đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt. Tại "*Biên bản làm việc*" ngày 23/3/2017 ông C có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt do ông làm tài xế lái xe đường dài, thường xuyên không có mặt ở nhà. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Cnh phủ quy định về "Họ, hụi, biêu, phường"
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S. Buộc bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị S số tiền 67.360.000 (Sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Ghi nhận việc bà Phạm Thị S không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải liên đới nộp 3.368.000 (Ba triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn) đồng.

Bà Phạm Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011259 ngày 07/7/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố BT.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do Cnh đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Bến Tre;*
- *Chi cục THADS TP BT;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương